



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

THÁNG 07 NĂM 2025





TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.977.336.970.403	10.338.423.091.776
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	517.377.004.289	811.027.391.399
Tiền	111		393.377.004.289	811.027.391.399
Các khoản tương đương tiền	112		124.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.703.285.981.355	3.221.633.265.825
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.703.285.981.355	3.221.633.265.825
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.612.301.974.279	1.242.365.214.255
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.422.778.364.799	1.211.559.391.880
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.029.125.725	14.341.792.110
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		160.626.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.431.917.542	47.367.616.434
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(31.563.433.787)	(30.903.586.169)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	3.678.757.551.602	4.584.590.741.297
Hàng tồn kho	141		3.786.052.956.294	4.835.991.887.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(107.295.404.692)	(251.401.145.812)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		465.614.458.878	478.806.479.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	30.621.668.837	32.029.733.527
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	434.963.974.821	446.756.758.633
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	28.815.220	19.986.840



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.761.233.498.138	2.600.544.115.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.886.754.234	13.524.804.916
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	39.442.738.318	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	13.444.015.916	13.518.369.916
II. Tài sản cố định	220		1.875.616.806.123	1.942.246.136.936
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.651.691.712.228	1.715.803.984.870
- Nguyên giá	222		4.612.121.066.515	4.558.176.045.474
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.960.429.354.287)	(2.842.372.060.604)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	101.002.101.366	103.377.490.380
- Nguyên giá	225		144.995.180.732	137.560.662.212
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(43.993.079.366)	(34.183.171.832)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	122.922.992.529	123.064.661.686
- Nguyên giá	228		141.763.273.727	141.291.673.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(18.840.281.198)	(18.227.012.041)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	293.621.861.801	65.722.024.716
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		27.348.047.622	25.621.793.759
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		266.273.814.179	40.100.230.957
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	110.000.000.000	110.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		110.000.000.000	110.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		429.108.075.980	469.051.149.051
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	392.826.971.913	404.395.240.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		28.934.146.915	56.872.498.004
Lợi thế thương mại	269	V.12	7.346.957.152	7.783.410.052
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.738.570.468.541	12.938.967.207.395



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.917.001.495.675	9.123.862.004.956
I. Nợ ngắn hạn	310		7.652.326.448.773	9.001.585.506.436
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.440.762.416.032	1.842.938.322.215
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	43.649.725.403	60.367.214.283
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	28.004.750.381	225.462.074.067
Phải trả người lao động	314		26.646.133.799	37.039.947.871
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.111.602.258	12.039.866.765
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5.487.201.713	2.755.507.742
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	6.053.885.383.497	6.778.798.090.852
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		46.779.235.690	42.184.482.641
II. Nợ dài hạn	330		264.675.046.902	122.276.498.520
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	208.989.382.940	66.590.834.558
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	55.685.663.962	55.685.663.962
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.821.568.972.866	3.815.105.202.439
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.821.568.972.866	3.815.105.202.439
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.832.807.391.950	1.826.339.918.321
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421A		1.682.435.964.602	1.484.481.936.182
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		150.371.427.348	341.857.982.139
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.047.446.961	2.051.150.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.738.570.468.541	12.938.967.207.395

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.261.011.575.009	5.989.925.301.070	8.239.069.535.988	10.091.999.633.644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.106.340.128	3.874.451.625	5.572.069.442	6.838.786.424
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.256.905.234.881	5.986.050.849.445	8.233.497.466.546	10.085.160.847.220
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.919.410.356.348	5.441.070.142.341	7.613.546.734.867	9.193.503.751.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		337.494.878.533	544.980.707.104	619.950.731.679	891.657.095.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	100.508.040.375	130.549.552.272	163.645.063.983	211.153.288.842
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	125.690.959.945	106.346.214.609	206.381.064.199	168.307.078.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		76.950.601.288	66.800.620.692	137.108.247.703	119.072.463.038
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	175.217.393.214	329.782.664.128	339.232.605.230	555.035.878.289
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.354.336.659	25.903.561.687	51.644.568.325	47.057.972.766
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		106.740.229.090	213.497.818.952	186.337.557.908	332.409.454.385
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.133.436.706	3.073.227.540	5.048.409.558	4.930.732.723
12. Chi phí khác	32	VI.6	797.040.489	1.791.907.439	1.704.459.718	2.347.673.840
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.336.396.217	1.281.320.101	3.343.949.840	2.583.058.883
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		108.076.625.307	214.779.139.053	189.681.507.748	334.992.513.268
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	8.995.023.434	56.305.769.424	11.375.432.513	102.875.284.611
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	11.404.570.065	(12.869.484.927)	27.938.351.089	(34.639.634.788)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		87.677.031.808	171.342.854.556	150.367.724.146	266.756.863.445
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		87.679.206.797	171.420.912.833	150.371.427.348	266.834.887.142
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.174.989)	(78.058.277)	(3.703.202)	(78.023.697)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	189.681.507.748	334.992.513.268
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	132.039.993.409	174.492.391.735
Hoàn nhập (Trích lập) các khoản dự phòng	3	(143.445.893.502)	177.161.433.166
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	21.594.155.047	18.410.469.695
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(105.471.498.283)	(110.783.651.926)
Chi phí lãi vay	6	136.260.955.078	119.072.463.038
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	230.659.219.497	713.345.618.976
Tăng các khoản phải thu	9	(237.742.531.921)	(66.107.619.110)
Giảm (Tăng) hàng tồn kho	10	1.048.212.676.952	(1.096.148.829.491)
Giảm (Tăng) các khoản phải trả	11	(519.014.237.839)	294.364.680.180
Giảm (Tăng) chi phí trả trước	12	12.976.333.772	(3.311.350.205)
Tiền lãi vay đã trả	14	(140.103.278.285)	(122.246.378.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(120.792.773.077)	(19.705.145.826)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.459.654.913)	(21.114.143.954)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	252.735.754.186	(320.923.167.766)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(285.319.303.673)	(38.671.562.056)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	3.194.444.440	675.048.082
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(3.492.757.987.880)	(5.572.906.318.091)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	3.850.479.272.350	5.056.904.261.981
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	108.053.615.941	106.494.903.431
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	183.650.041.178	(447.503.666.653)



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.667.008.131.559	9.230.406.868.663
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.264.762.081.355)	(8.777.705.672.280)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(17.715.940.268)	(21.644.870.974)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.493.533.800)	(1.756.335.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(729.963.423.864)	429.299.990.059
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(293.577.628.500)	(339.126.844.360)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	811.027.391.399	1.193.754.292.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(72.758.610)	(718.613.599)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	517.377.004.289	853.908.834.337

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất thép, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.**3. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 1.460 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 1.481 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có Bảy (7) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công Ty TNHH MTV Logistics Hưng Việt (Trước đây là Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương) Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2025, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Logistics Hưng Việt theo GCNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 9.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1 Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
7. Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung (Trước đây là Công Ty TNHH TM Đầu Tư và Xây Dựng Tổng Hợp SBC Miền Trung) Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Quảng Lăng B, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	95	95



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
và hàng hóa để bán lạiThành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí
kinh doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ
hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia
quyền.**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. Các khoản đầu tư***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

16. Vốn góp của chủ sở hữu*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

19. Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	347.718.939	503.754.559
Tiền gửi ngân hàng	388.329.285.350	810.523.636.840
Tiền đang chuyển	4.700.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	124.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	517.377.004.289	811.027.391.399

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	599.000.000.000
Trái phiếu	2.701.285.981.355	2.622.633.265.825
CỘNG	2.703.285.981.355	3.221.633.265.825
Dài hạn		
Trái phiếu	110.000.000.000	110.000.000.000
CỘNG	110.000.000.000	110.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.813.285.981.355	3.331.633.265.825

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	141.899.944.637	83.351.268.948
Công Ty TNHH Thép Hạnh Hiểu	125.474.659.587	3.085.187.068
Duferco Sa	6.218.838.043	135.400.512.027
Eusider S.P.A.	-	101.077.644.156
Phải thu khách hàng khác	1.144.870.080.271	882.217.674.924
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	4.314.842.261	6.427.104.757
TỔNG CỘNG	1.422.778.364.799	1.211.559.391.880
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.563.433.787)	(30.903.586.169)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.391.214.931.012	1.180.655.805.711

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	7.743.494.255	5.255.725.342
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	6.451.046.976	3.924.391.591
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phú	1.364.660.056	1.414.681.037
Nhà cung cấp khác	7.469.924.438	3.746.994.140
CỘNG	23.029.125.725	14.341.792.110
DÀI HẠN		
Daniel Co., LTD.	16.885.264.438	-
PRC Technology (Beijing) Co., LTD.	6.064.830.000	-
Shanghai Jingxiang Industrial Co., LTD.	11.565.427.680	-
Nhà cung cấp khác	4.927.216.200	6.435.000
CỘNG	39.442.738.318	6.435.000
TỔNG CỘNG	62.471.864.043	14.348.227.110

5. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	2.203.196.000	11.295.605.400
Phải thu chi hộ	482.414.300	189.062.400
Lãi dự thu	26.093.706.462	29.806.028.638
Khác	8.652.600.780	6.076.919.996
CỘNG	37.431.917.542	47.367.616.434
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	13.444.015.916	13.518.369.916
CỘNG	13.444.015.916	13.518.369.916
TỔNG CỘNG	50.875.933.458	60.885.986.350



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Thành phẩm	2.161.785.778.885	2.221.560.321.859
Nguyên liệu, vật liệu	1.435.290.676.006	1.781.098.691.630
Hàng đang đi trên đường	143.446.882.295	782.090.916.278
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.332.760.562	46.522.923.242
Công cụ, dụng cụ	3.086.598.294	3.200.550.074
Hàng hoá	1.110.260.252	1.518.484.026
TỔNG CỘNG	3.786.052.956.294	4.835.991.887.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(107.295.404.692)	(251.401.145.812)
Giá trị thuần	3.678.757.551.602	4.584.590.741.297

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Số đầu kỳ	251.401.145.812	83.954.703.493
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	107.295.404.692	260.446.802.875
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(251.401.145.812)	(83.954.703.493)
Số cuối kỳ	107.295.404.692	260.446.802.875

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	30.621.668.837	32.029.733.527
Công cụ, dụng cụ đang dùng	17.233.376.862	18.279.263.444
Khác	13.388.291.975	13.750.470.083
Dài hạn	392.826.971.913	404.395.240.995
Tiền thuê đất trả trước (*)	278.236.662.898	286.977.016.879
Công cụ, dụng cụ đang dùng	82.781.141.888	79.928.271.985
Khác	31.809.167.127	37.489.952.131
TỔNG CỘNG	423.448.640.750	436.424.974.522

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	795.356.293.262	3.514.721.429.889	229.574.874.157	18.140.120.353	383.327.813	4.558.176.045.474
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	2.519.658.347	53.940.550.271	1.705.531.833	508.380.000	-	58.674.120.451
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(4.729.099.410)	-	-	(4.729.099.410)
Tại ngày 30/06/2025	797.875.951.609	3.568.661.980.160	226.551.306.580	18.648.500.353	383.327.813	4.612.121.066.515
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	34.074.703.970	1.204.608.835.037	47.909.272.209	13.777.985.279	-	1.300.370.796.495
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	279.591.512.110	2.374.075.547.766	172.014.622.691	16.428.122.604	262.255.433	2.842.372.060.604
Khấu hao trong kỳ	18.031.724.676	92.266.884.462	10.441.014.016	419.752.064	20.988.600	121.180.363.818
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(3.123.070.135)	-	-	(3.123.070.135)
Tại ngày 30/06/2025	297.623.236.786	2.466.342.432.228	179.332.566.572	16.847.874.668	283.244.033	2.960.429.354.287
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	515.764.781.152	1.140.645.882.123	57.560.251.466	1.711.997.749	121.072.380	1.715.803.984.870
Tại ngày 30/06/2025	500.252.714.823	1.102.319.547.932	47.218.740.008	1.800.625.685	100.083.780	1.651.691.712.228



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	26.241.620.302	111.319.041.910	137.560.662.212
Thuê trong kỳ	-	7.434.518.520	7.434.518.520
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	3.772.188.754	30.410.983.078	34.183.171.832
Khấu hao trong kỳ	1.312.081.020	8.497.826.514	9.809.907.534
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	5.084.269.774	38.908.809.592	43.993.079.366
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	22.469.431.548	80.908.058.832	103.377.490.380
Tại ngày 30/06/2025	21.157.350.528	79.844.750.838	101.002.101.366

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	23.765.373.727	141.291.673.727
Mua mới	-	471.600.000	471.600.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	117.526.300.000	24.236.973.727	141.763.273.727
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	15.866.524.227	15.866.524.227
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	-	18.227.012.041	18.227.012.041
Hao mòn trong kỳ	-	613.269.157	613.269.157
Tại ngày 30/06/2025	-	18.840.281.198	18.840.281.198
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	5.538.361.686	123.064.661.686
Tại ngày 30/06/2025	117.526.300.000	5.396.692.529	122.922.992.529



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	27.348.047.622	25.621.793.759
TỔNG CỘNG	27.348.047.622	25.621.793.759
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản	249.213.978.549	35.003.450.421
Khác	17.059.835.630	5.096.780.536
TỔNG CỘNG	266.273.814.179	40.100.230.957
TỔNG CỘNG	293.621.861.801	65.722.024.716

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng		
Tổng hợp SBC Miền Trung	7.346.957.152	7.783.410.052
TỔNG CỘNG	7.346.957.152	7.783.410.052

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	120.846.377.432	125.435.599.670
Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam	55.354.107.946	60.367.719.017
Poong Jeon Nonferrous Metal Co., Ltd	43.906.872.065	39.804.360.075
Metal One Corporation	4.125.095.912	195.390.481.582
Jfe Shoji Corporation	-	241.554.692.470
Phải trả cho người bán Khác	250.231.649.607	467.888.022.891
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	966.298.313.070	712.497.446.510
TỔNG CỘNG	1.440.762.416.032	1.842.938.322.215

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	11.089.960.457	13.664.536.255
PT.Kepuh Kencana Arum	7.391.630.400	-
ST.International Co.,LTD	6.353.215.271	7.533.595.183
P.E. Dives-Plus	4.337.758.415	6.062.602.320
Người mua trả tiền trước khác	14.477.160.860	33.106.480.525
TỔNG CỘNG	43.649.725.403	60.367.214.283



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư tại ngày 30/06/2025
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.986.840	-	-	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	446.756.758.633	876.303.314.486	888.096.098.298	434.963.974.821
Thuế Thu nhập cá nhân	-	8.828.380	-	8.828.380
Khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	446.776.745.473	876.312.142.866	888.096.098.298	434.992.790.041
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.792.056.675	11.376.148.913	120.792.773.077	11.375.432.511
Thuế giá trị gia tăng	98.752.601.185	915.332.976.882	1.002.570.073.441	11.515.504.626
Thuế thu nhập cá nhân	5.713.743.921	12.299.792.521	12.992.648.283	5.020.888.159
Thuế bảo vệ môi trường	64.800.000	97.200.000	129.600.000	32.400.000
Thuế nhập khẩu	138.872.286	127.200.992	205.548.193	60.525.085
Khác	-	131.047.644	131.047.644	-
TỔNG CỘNG	225.462.074.067	939.364.366.952	1.136.821.690.638	28.004.750.381

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Khác	5.487.201.713	2.755.507.742
CỘNG	5.487.201.713	2.755.507.742



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	6.012.576.892.880	6.744.616.035.491
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	8.757.522.207	3.211.122.995
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	32.550.968.410	30.970.932.366
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	55.685.663.962	-
CỘNG	6.109.571.047.459	6.778.798.090.852
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	177.761.947.154	24.083.422.460
Nợ thuê tài chính	31.227.435.786	42.507.412.098
CỘNG	208.989.382.940	66.590.834.558
TỔNG CỘNG	6.318.560.430.399	6.845.388.925.410

	30/06/2025 VND	USD	01/01/2025 VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.109.571.047.459	63.596.111	6.778.798.090.852	126.545.798
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	4.346.388.822.423		3.513.487.754.429	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	1.424.177.148.569		1.559.828.736.875	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.536.860.213.847		644.099.775.843	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-		335.423.335.336	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	498.485.006.937		266.839.530.853	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	122.000.732.750		-	
Ngân hàng United Overseas - CN HCM	225.493.476.248		31.450.350.589	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	539.372.244.072		498.978.501.282	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	-		176.867.523.651	
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	1.666.188.070.457	63.596.111	3.231.128.281.062	126.545.798
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	808.024.503.500	30.920.600	1.855.364.430.613	72.647.131
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	771.443.857.800	29.373.790	943.249.687.467	36.916.351
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	86.719.709.157	3.301.721	23.474.224.685	918.721
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	409.039.938.297	16.063.595
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	8.757.522.207		3.211.122.995	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	8.757.522.207		3.211.122.995	
Trái phiếu chuyển đổi	55.685.663.962			
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	32.550.968.410		30.970.932.366	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	18.673.183.426		17.093.147.382	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	7.557.582.984		7.557.582.984	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	6.320.202.000		6.320.202.000	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	-		-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	208.989.382.940		66.590.834.558	
Vay dài hạn ngân hàng	177.761.947.154		24.083.422.460	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	149.300.000.000		-	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	28.461.947.154		24.083.422.460	
Nợ thuê tài chính dài hạn	31.227.435.786		42.507.412.098	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	18.347.295.234		22.688.379.054	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	10.990.744.832		14.150.845.832	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.889.395.720		5.668.187.212	
TỔNG	6.318.560.430.399	63.596.111	6.845.388.925.410	126.545.798

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND từ 4,0%/năm đến 6,00%/năm và bằng USD là từ 3,5%/năm đến 4,6%/năm. Lãi suất vay dài hạn ngân hàng bằng VND từ 6,2%/năm đến 6,9%/năm. Lãi suất vay công ty thuê tài chính bằng VND là từ 6,2%/năm đến 8,2%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2025 và								
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ trước							
Tại ngày 01/01/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	266.834.887.142	(78.023.697)	266.756.863.445
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(28.674.266.002)	-	(28.674.266.002)
Khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.868.557.313.644	2.061.724.204	3.857.333.171.803
Kỳ này							
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Cò tức công bố	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	150.371.427.347	(3.703.202)	150.367.724.145
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(26.054.407.962)	-	(26.054.407.962)
Khác	-	-	-	-	(3.158.035.756)	-	(3.158.035.756)
Tại ngày 30/06/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.832.807.391.950	2.047.446.961	3.821.568.972.866



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu kỳ	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000

19.3 Cổ phiếu

	30/06/2025 VND Số cổ phiếu	01/01/2025 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 VND</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.239.069.535.988	10.091.999.633.644
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	8.200.662.866.616	10.037.783.927.258
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	38.406.669.372	54.215.706.386
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.572.069.442	6.838.786.424
Doanh thu thuần	8.233.497.466.546	10.085.160.847.220
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	8.195.090.797.174	10.030.945.140.834
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	38.406.669.372	54.215.706.386

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 VND</i>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	104.730.375.743	110.281.422.502
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	58.914.688.240	100.871.866.340
TỔNG CỘNG	163.645.063.983	211.153.288.842

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	7.613.546.734.867	9.193.503.751.912
TỔNG CỘNG	7.613.546.734.867	9.193.503.751.912



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	137.108.247.703	119.072.463.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	69.272.816.496	49.234.615.672
TỔNG CỘNG	206.381.064.199	168.307.078.710

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	195.593.620.989	450.350.725.397
Chi phí lương nhân viên	31.504.438.361	27.483.003.874
Chi phí quảng cáo	27.612.616.114	25.259.080.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.302.055.548	47.825.847.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.219.874.218	4.117.221.549
TỔNG CỘNG	339.232.605.230	555.035.878.289

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.463.457.685	17.784.591.370
Chi phí nhân viên	27.538.527.158	23.764.895.238
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.982.735.864	4.839.152.374
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	659.847.618	669.333.784
TỔNG CỘNG	51.644.568.325	47.057.972.766



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thu nhập khác	5.048.409.558	4.930.732.723
Thu nhập từ bán phế liệu	2.460.993.176	3.848.371.819
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.588.415.165	234.713.659
Khác	999.001.217	847.647.245
Chi phí khác	1.704.459.718	2.347.673.840
Chi phí KHTS cố định nhàn rỗi	475.337.610	994.755.194
Chi phí từ thanh lý phế liệu	312.136.804	-
Tiền phạt thuế	14.294.906	1.300.120.874
Khác	902.690.398	52.797.772
Lợi nhuận khác	3.343.949.840	2.583.058.883

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.375.432.513	102.875.284.611
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.938.351.089	(34.639.634.788)
Chi phí thuế TNDN	39.313.783.602	68.235.649.823



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	1.618.536.022.389	2.349.188.199.166
		Bán hàng	38.406.669.372	54.215.706.386

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	4.314.842.261	6.427.104.757
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	966.298.313.070	712.497.446.510



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	120.100.000	1.325.400.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.611.946.364	1.441.513.391
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.167.663.172	1.139.987.378
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.109.432.227	1.109.095.475
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	157.232.856	-
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	155.516.197	-
Ông Đỗ Hữu Văn	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	153.947.017	-
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2025	1.148.213.515	1.147.379.999
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	11.400.000	11.400.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	6.000.000	6.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS	-	-
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên BKS	-	-
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS	-	-
TỔNG CỘNG		5.641.451.348	6.180.776.243

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Vĩnh Phước